

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH  
KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Sỹ Thắng  
Ông Đoàn Văn Nhuộm  
Ông Vũ Quý Hiệu  
Bà Nguyễn Minh Ngọc  
Ông Hà Anh Tuấn

Chủ tịch  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Đoàn Văn Nhuộm  
Ông Vũ Quý Hiệu  
Ông Hà Anh Tuấn  
Ông Trần Văn Nghi  
Ông Trần Thanh Nam

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013)  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đoàn Văn Nhuộm**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 05 tháng 8 năm 2013



Số: 082 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:**  
**Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 05 tháng 8 năm 2013, từ trang 3 đến trang 32. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Trần Đình Nghi Hạ**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0288-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Ngày 05 tháng 8 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Văn Đình Khuê**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1178-2013-001-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>840.012.516.391</b>	<b>857.193.806.731</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>234.906.698.868</b>	<b>251.630.371.077</b>
1. Tiền	111	5	234.906.698.868	251.630.371.077
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>565.556.244.468</b>	<b>531.047.742.717</b>
1. Phải thu khách hàng	131		545.067.248.345	502.614.790.700
2. Trả trước cho người bán	132		4.364.974.608	5.924.603.848
3. Các khoản phải thu khác	135	6	16.235.153.641	22.619.480.295
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(111.132.126)	(111.132.126)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>27.673.741.591</b>	<b>65.774.745.375</b>
1. Hàng tồn kho	141		27.673.741.591	65.774.745.375
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.875.831.464</b>	<b>8.740.947.562</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.777.306.895	4.711.513.336
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.528.164.439	224.541.872
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.570.360.130	3.804.892.354
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1.228.748.288.003</b>	<b>1.353.800.123.748</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>703.674.778.216</b>	<b>773.668.292.177</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	551.998.913.752	601.620.410.032
- Nguyên giá	222		842.275.824.217	827.961.327.994
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(290.276.910.465)	(226.340.917.962)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	123.014.617.468	143.461.707.347
- Nguyên giá	225		191.328.142.418	191.328.142.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(68.313.524.950)	(47.866.435.071)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	14.218.785.988	14.471.817.616
- Nguyên giá	228		15.636.973.639	15.636.973.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.418.187.651)	(1.165.156.023)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	14.442.461.008	14.114.357.182
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>344.659.707.600</b>	<b>364.860.026.582</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	301.244.318.080	301.244.318.080
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	14.307.460.000	14.307.460.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	80.000.000.000	80.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(50.892.070.480)	(30.691.751.498)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>180.413.802.187</b>	<b>215.271.804.989</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	157.943.162.810	195.213.252.614
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	5.105.331.133	3.420.466.131
3. Tài sản dài hạn khác	268		17.365.308.244	16.638.086.244
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.068.760.804.394</b>	<b>2.210.993.930.479</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.333.709.945.621</b>	<b>1.508.788.558.156</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.153.187.769.075</b>	<b>1.213.894.030.879</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	298.166.657.413	391.090.516.953
2. Phải trả người bán	312		794.737.300.313	755.196.200.844
3. Người mua trả tiền trước	313		765.756.583	397.153.939
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	7.738.515.515	17.392.002.123
5. Phải trả người lao động	315		12.881.343.509	12.314.185.181
6. Chi phí phải trả	316		14.540.573.114	14.096.784.673
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	16.524.302.375	13.880.471.298
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.833.320.253	9.526.715.868
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>180.522.176.546</b>	<b>294.894.527.277</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	21	29.638.326.946	39.835.785.135
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	150.883.849.600	255.058.742.142
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>735.050.858.773</b>	<b>702.205.372.323</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>735.050.858.773</b>	<b>702.205.372.323</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.594.384.212	45.594.384.212
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		212.838.771.534	134.522.738.960
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		29.297.466.577	26.779.215.612
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		67.320.236.450	115.309.033.539
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.068.760.804.394</b>	<b>2.210.993.930.479</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị	30/6/2013	31/12/2012
1. Hàng hóa nhận giữ hộ	Kg	319.162	664.862
2. Ngoại tệ các loại			
- USD		8.291	8.235
- EUR		1.126	1.122



**Lưu Trọng Nghĩa**  
 Người lập biểu  
 Ngày 05 tháng 8 năm 2013



**Nguyễn Đăng Trình**  
 Kế toán trưởng



**Đoàn Văn Nhuận**  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.441.138.246.532	2.838.064.019.040
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		15.473.537.811	15.281.342.428
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.425.664.708.721	2.822.782.676.612
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	2.076.636.007.530	2.604.781.434.064
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		349.028.701.191	218.001.242.548
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	41.105.177.760	82.156.847.150
7. Chi phí tài chính	22	29	47.967.639.731	55.834.193.742
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.516.548.213	54.891.975.943
8. Chi phí bán hàng	24		219.137.327.764	144.731.568.100
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.912.966.298	27.340.069.230
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30=20+(21-22)-(24+25)	30		90.115.945.158	72.252.258.626
11. Thu nhập khác	31		7.035.913.093	20.189.609.228
12. Chi phí khác	32		72.315.913	18.388.358.575
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	30	6.963.597.180	1.801.250.653
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		97.079.542.338	74.053.509.279
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	11.018.920.890	131.130.587
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	(1.684.865.002)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		87.745.486.450	73.922.378.692

  
Lưu Trọng Nghĩa  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 8 năm 2013

  
Nguyễn Đăng Trình  
Kế toán trưởng

  
Đoàn Văn Nhậm  
Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**Mẫu B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	97.079.542.338	74.053.509.279
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	84.936.656.144	61.313.802.528
Các khoản dự phòng	03	20.200.318.982	399.366.216
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(4.750.214)	(1.918.562.473)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(40.747.822.149)	(79.794.966.128)
Chi phí lãi vay	06	27.516.548.213	54.891.975.943
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	188.980.493.314	108.945.125.365
Biến động các khoản phải thu	09	(40.764.366.889)	113.828.123.570
Biến động hàng tồn kho	10	38.995.910.034	5.255.916.606
Biến động các khoản phải trả	11	39.876.965.699	(271.539.920.186)
Biến động chi phí trả trước	12	35.313.082.760	(15.789.644.739)
Tiền lãi vay đã trả	13	(30.262.062.894)	(62.573.958.967)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.103.699.225)	(460.626.693)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	5.472.820.258
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.104.580.735)	(7.382.108.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	200.931.742.064	(124.244.273.121)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(18.993.212.480)	(70.877.836.701)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	2.627.748.579	18.078.255.019
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	40.516.566.770	111.765.938.712
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	24.151.102.869	58.966.357.030
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	190.000.000.000	261.688.516.127
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(372.477.074.126)	(212.699.530.248)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(14.621.677.956)	(13.915.783.197)
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.707.765.060)	(72.552.874.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(241.806.517.142)	(37.479.671.918)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(16.723.672.209)	(102.757.588.009)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	251.630.371.077	235.097.611.466
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	(677.934)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	234.906.698.868	132.339.345.523

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong kỳ không bao gồm cổ tức bằng tiền chưa thanh toán với số tiền là 1.333.729.127 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012: 15.190.974.187 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.



**Lưu Trọng Nghĩa**  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 8 năm 2013



**Nguyễn Đăng Trình**  
Kế toán trưởng



**Đoàn Văn Nhậm**  
Tổng Giám đốc





## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007397 ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 158.756.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi ngày 24 tháng 2 năm 2011 với vốn điều lệ Công ty được điều chỉnh là 380.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có các công ty con bao gồm Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông. Ngoài ra Công ty có các chi nhánh tại Cần Thơ, Nha Trang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Cà Mau, Gia Lai, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Ninh Thuận và Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 367 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 351 người).

##### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty gồm: Mua bán khí hóa lỏng, các sản phẩm khí, và các vật tư thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán gas tại trụ sở chính Công ty); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; mua bán phân bón; kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản); dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

##### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào các công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

##### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động sáu tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản cho vay dài hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán thực tế.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số Năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị (*)	3 - 7
Phương tiện vận tải	6
Tài sản cố định khác	3

(\*) Máy móc, thiết bị bao gồm các tài sản sử dụng cho hoạt động kinh doanh khí CNG được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
Tài sản sử dụng cho hoạt động kinh doanh khí CNG	5 năm	6 năm



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty quyết định thay đổi thời gian hữu dụng của các tài sản cố định hữu hình và tài sản thuê tài chính sử dụng cho hoạt động kinh doanh CNG từ 6 năm xuống 5 năm, Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian hữu dụng mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu thời gian hữu dụng trước đây (6 năm) được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ giảm với số tiền là 17.340.305.997 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ tăng với số tiền tương ứng

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>2013</u> Năm	<u>2012</u> Năm
Máy móc, thiết bị	5	6
Phương tiện vận tải	3 – 6	3 – 6

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Giá trị thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 9 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**Mẫu B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ trên 50% quyền kiểm soát.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại các đơn vị này.

#### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ, chi phí bảo trì bình gas, khoản trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng, các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

##### *Phân bổ giá trị vỏ bình gas và chi phí bảo trì bình gas*

Giá trị của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 6 năm (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012: 10 năm). Ảnh hưởng của sự thay đổi này đến báo cáo tài chính trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 16 và 21.

##### *Tiền thuê đất và thuê văn phòng*

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

##### *Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác*

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí cải tạo văn phòng, giá trị bộ chuyển đổi CNG và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng của các khoản chi phí trả trước dài hạn đó.

#### **Phân bổ khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được**

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas. Số tiền đặt cọc còn lại chưa phân bổ vào doanh thu được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	6.723.344.307	5.513.307.094
Tiền gửi ngân hàng	228.103.354.561	246.117.063.983
Tiền đang chuyển	80.000.000	-
	<u><b>234.906.698.868</b></u>	<u><b>251.630.371.077</b></u>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cho vay bằng hàng hoá	-	6.937.553.035
Góp vốn hợp tác xây văn phòng (*)	11.374.000.000	11.374.000.000
Phải thu khác	4.861.153.641	4.307.927.260
	<u><b>16.235.153.641</b></u>	<u><b>22.619.480.295</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,

Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(\*) Đây là khoản góp vốn tạm thời của Công ty với Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PVGAS D) để thực hiện dự án văn phòng làm việc tại Vũng Tàu. Công ty có trách nhiệm góp vốn phần nghĩa vụ còn lại sau khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và Quyết toán công trình được phê duyệt. Mọi quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan đến dự án sẽ được phân bổ theo tỷ lệ giá trị góp vốn bằng tiền sau khi dự án hoàn thành. Dự kiến việc xây dựng văn phòng sẽ hoàn tất vào năm 2014.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	-	8.004.628.370
Nguyên liệu, vật liệu	5.657.534.344	3.777.563.093
Công cụ dụng cụ	12.062.333.783	22.187.085.168
Hàng hoá	9.953.873.464	31.805.468.744
	<u>27.673.741.591</u>	<u>65.774.745.375</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**  
Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2013

Mua sắm mới

Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành

Kết chuyển từ chi phí trả trước

Tăng khác

Kết chuyển sang công cụ, dụng cụ

Điều chỉnh theo Thông tư 45

Giảm khác

Tại ngày 30/6/2013

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	307.691.749.617	499.548.997.671	15.059.963.183	4.415.025.379	1.245.592.144	827.961.327.994
	270.076.656	8.346.429.523	-	64.072.727	-	8.680.578.906
	2.087.061.289	3.858.177.807	-	-	-	5.945.239.096
	891.213.485	-	-	-	-	891.213.485
	-	-	-	10.863.636	-	10.863.636
	-	(707.332.096)	-	-	-	(707.332.096)
	-	(115.508.544)	-	(181.311.363)	-	(296.819.907)
	(21.018.549)	(188.228.348)	-	-	-	(209.246.897)
	310.919.082.498	510.742.536.013	15.059.963.183	4.308.650.379	1.245.592.144	842.275.824.217

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2013

Khấu hao trong kỳ

Điều chỉnh theo Thông tư 45

Giảm khác

Tại ngày 30/6/2013

	62.614.797.250	150.826.242.755	9.253.928.371	2.925.714.897	720.234.689	226.340.917.962
	10.349.420.566	51.971.906.902	1.316.901.177	453.605.474	144.700.518	64.236.534.637
	-	(24.842.899)	-	(84.402.854)	-	(109.245.753)
	-	(191.296.381)	-	-	-	(191.296.381)
	72.964.217.816	202.582.010.377	10.570.829.548	3.294.917.517	864.935.207	290.276.910.465

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 30/6/2013

Tại ngày 31/12/2012

	237.954.864.682	308.160.525.636	4.489.133.635	1.013.732.862	380.656.937	551.998.913.752
	245.076.952.367	348.722.754.916	5.806.034.812	1.489.310.482	525.357.455	601.620.410.032

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thể chấp nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 60.599.898.707 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 133.553.479.168 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay với Ngân Hàng Cổ Phần Thương Mại Quân Đội.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 24.028.038.898 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.607.155.754 đồng).





**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013 và ngày 30/6/2013	189.806.907.418	1.521.235.000	191.328.142.418
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	46.499.827.823	1.366.607.248	47.866.435.071
Khấu hao trong kỳ	20.341.448.562	105.641.317	20.447.089.879
Tại ngày 30/6/2013	66.841.276.385	1.472.248.565	68.313.524.950
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2013	122.965.631.033	48.986.435	123.014.617.468
Tại ngày 31/12/2012	143.307.079.595	154.627.752	143.461.707.347

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2013 và ngày 30/6/2013	14.045.372.678	1.464.370.376	127.230.585	15.636.973.639
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	633.342.821	404.582.617	127.230.585	1.165.156.023
Khấu hao trong kỳ	171.677.718	81.353.910	-	253.031.628
Tại ngày 30/6/2013	805.020.539	485.936.527	127.230.585	1.418.187.651
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/6/2013	13.240.352.139	978.433.849	-	14.218.785.988
Tại ngày 31/12/2012	13.412.029.857	1.059.787.759	-	14.471.817.616

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 lần lượt là 2.036.774.678 đồng và 1.924. 971.082 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.036.774.678 đồng và 1.945.338.826 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 153.10.105658917 HĐTH ngày 28 tháng 6 năm 2010, để đảm bảo cho các khoản tín dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã phân bổ hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 127.230.585 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 127.230.585 đồng).

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án cung cấp CNG cho Giao thông Vận tải	8.922.022.459	4.948.923.438
Dự án cung cấp CNG cho Khách hàng Công nghiệp	-	1.666.235.616
Trạm chiết nạp LPG Cần Thơ	3.426.239.035	2.968.057.218
Trạm chiết nạp LPG Quảng Ngãi	423.999.514	2.860.940.910
Phần mềm quản trị tài chính kế toán nội bộ	1.670.200.000	1.670.200.000
	<b>14.442.461.008</b>	<b>14.114.357.182</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,

Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	30/6/2013 VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Vũng Tàu	57,47%	57,47%	137.748.402.000	Kinh doanh khí CNG
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	Đồng Nai	55%	55%	63.495.916.080	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	100.000.000.000	Kinh doanh khí hóa lỏng
				<b>301.244.318.080</b>	

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	30/06/2013 VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	20%	20%	14.307.460.000	Sản xuất, kinh doanh vỏ bình

Theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Bình khí dầu khí Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2010 về việc thống nhất thành lập công ty cổ phần. Tổng số vốn Công ty cam kết góp là 14.307.460.000 đồng tỷ lệ vốn góp là 20%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp đủ vốn.

**14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Đầu tư tài chính dài hạn khác</b>		
Công ty CP Năng lượng Vinabenny	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	30.000.000.000	30.000.000.000
	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

Đầu tư dài hạn khác vào công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng miền Đông thể hiện khoản tiền Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông vay trong vòng 2 năm, lãi suất bằng 75% lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

Theo Quyết định góp vốn số 01/QĐ-KMN ngày 24 tháng 3 năm 2009, tổng số vốn Công ty cam kết góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny là 50 tỷ đồng theo tiến độ thời gian là 3 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp đủ vốn.

**15. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 và lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn. Chi tiết như sau:

	Công ty CP Năng lượng Vinabenny VND	Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam VND	Tổng Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	30.408.652.845	283.098.653	30.691.751.498
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	19.591.347.155 (*)	608.971.827	20.200.318.982
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>892.070.480</b>	<b>50.892.070.480</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(\*) Theo quyết định số 260/QĐ-KMD ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Tổng giám đốc, Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và lập dự phòng giảm giá 100% khoản đầu tư này dựa trên tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny.

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ (1)	80.266.019.584	109.726.607.157
Trả trước tiền thuê đất (2)	12.666.003.062	9.905.213.672
Trả trước tiền thuê văn phòng (3)	44.930.742.918	45.406.200.515
Giá trị bộ chuyển đổi khí CNG	11.500.567.741	11.572.396.189
Chi phí cải tạo văn phòng ở Nha Trang	6.369.393.515	7.349.186.533
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.210.435.990	11.253.648.548
	<b>157.943.162.810</b>	<b>195.213.252.614</b>

(1) Giá trị vỏ bình gas biến động trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	109.726.607.157	96.949.702.589
Tăng thêm trong kỳ/năm	-	32.584.741.818
Kết chuyển vào chi phí kinh doanh	(29.454.389.084)	(17.364.191.906)
Chuyển cho Công ty con - Miền Đông	-	(1.280.760.000)
Thanh lý nhượng bán	(6.198.489)	(1.162.885.344)
<b>Tại ngày 30 tháng 6/31 tháng 12</b>	<b>80.266.019.584</b>	<b>109.726.607.157</b>

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas từ 10 năm xuống 6 năm như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian phân bổ mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng vỏ bình gas của Công ty. Nếu thời gian phân bổ trước đây (10 năm) được tiếp tục sử dụng, chi phí phân bổ giá trị vỏ bình gas trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ giảm với số tiền là 20.659.651.863 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ tăng với số tiền tương ứng.

(2) Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Tiền thuê đất tại kho Gò Dầu phản ánh số tiền thuê 9.210 m<sup>2</sup> được trả trước 5 năm cho Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 20 năm kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2008;
- Tiền thuê đất kho Gò Dầu phản ánh số tiền thuê 2.270 m<sup>2</sup> được trả trước 2 năm cho Công ty Cổ Phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 16,5 năm kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2012;
- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A. Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu phản ánh số tiền thuê 6.675 m<sup>2</sup> trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 43,6 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008; và
- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Thành phố Cần Thơ phản ánh số tiền thuê 30.000 m<sup>2</sup> trả trước cho Công ty xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ với thời hạn thuê là 35 năm kể từ năm 2009.

(3) Tiền thuê văn phòng trả trước phản ánh số tiền thuê 670m<sup>2</sup> được trả trước 50 năm cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ:

Chi phí trả và các  
 khoản dự phòng khác  
**VND**

Tại ngày 01/01/2013	3.420.466.131
Ghi nhận trong năm	1.684.865.002
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>5.105.331.133</b>

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng bưu điện Liên Việt	-	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	40.000.000.000
Ngân hàng TMHH MTV Hong Leong Việt Nam	-	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	268.066.666.666	261.510.407.459
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	30.099.990.747	29.580.109.494
	<b>298.166.657.413</b>	<b>391.090.516.953</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.193.953.542	2.474.823.617
Thuế nhập khẩu	1.496.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.378.325.762	14.463.104.097
Thuế thu nhập cá nhân	164.740.211	454.074.409
	<b>7.738.515.515</b>	<b>17.392.002.123</b>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2012 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	30/06/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	2.474.823.617	30.425.931.199	(31.706.801.274)	1.193.953.542
Thuế nhập khẩu	-	35.615.583	(34.119.583)	1.496.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.463.104.097	11.018.920.890	(19.103.699.225)	6.378.325.762
Thuế thu nhập cá nhân	454.074.409	3.374.097.517	(3.663.431.715)	164.740.211
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.392.002.123</b>	<b>44.854.565.189</b>	<b>(54.508.051.797)</b>	<b>7.738.515.515</b>

*Trong đó*

Thuế và các khoản phải trả Nhà Nước	17.392.002.123	7.738.515.515
-------------------------------------	----------------	---------------

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Chiết khấu bán hàng	3.595.389.050	4.871.003.070
Kinh phí công đoàn	927.710.236	814.385.313
Bảo hiểm xã hội	161.228.657	-
Bảo hiểm y tế	114.540.584	70.655.629
Cổ tức phải trả	1.333.729.127	441.494.187
Tiền nhận đầu tư văn phòng từ CNG Việt Nam	5.687.000.000	5.687.000.000
Các khoản khác	4.704.704.721	1.995.933.099
	<b>16.524.302.375</b>	<b>13.880.471.298</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được trong kỳ như sau:

	2013 VND	2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	39.835.785.135	40.176.758.681
Tăng thêm trong kỳ/năm	1.054.610.000	8.978.089.998
Kết chuyển vào doanh thu	(11.252.068.189)	(7.197.290.554)
Thanh lý hợp đồng ký quỹ vỏ bình gas với khách hàng	-	(1.784.217.083)
Kết chuyển vào thu nhập khác	-	(337.555.907)
<b>Tại ngày 30 tháng 6/31 tháng 12</b>	<b>29.638.326.946</b>	<b>39.835.785.135</b>

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng từ 10 năm xuống 6 năm, tương ứng với thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas (xem Thuyết minh số 16). Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian phân bổ mới sẽ phù hợp hơn. Nếu thời gian phân bổ trước đây (10 năm) được tiếp tục sử dụng, doanh thu/thu nhập phân bổ số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ giảm với số tiền là 7.638.025.850 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm với số tiền tương ứng.

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	84.350.000.001	173.383.333.334
Nợ thuê tài chính dài hạn	66.533.849.599	81.675.408.808
	<b>150.883.849.600</b>	<b>255.058.742.142</b>

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn theo đối tượng:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	70.000.000.001	153.333.333.334
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Phòng giao dịch Tân Cảng	14.350.000.000	20.050.000.000
Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính Sacombank	26.924.998.163	32.687.838.463
Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	13.358.128.239	20.507.654.947
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	24.480.892.598	26.244.339.904
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	1.769.830.599	2.235.575.494
	<b>150.883.849.600</b>	<b>255.058.742.142</b>

**Các khoản vay dài hạn**

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay dài hạn từ các Ngân hàng thương mại và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam. Số dư nợ gốc vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm 352.416.666.667 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 406.450.000.000 đồng và 1.025.591 euro). Các khoản vay này có thời hạn từ 3 đến 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay là từ 8,3% đến 15%/năm. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ các công trình xây dựng các dự án CNG, các bồn chứa khí, các kho chứa LPG tại Dung Quất, Gò Dầu. Một số khoản vay theo hình thức tín chấp. Một số khoản vay được thế chấp bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi của Công ty (xem Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 10).



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Nợ dài hạn**

Nợ dài hạn bao gồm các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính Sacombank, Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease, có thời hạn thuê là 5 năm. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính Sacombank chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cộng với 4,5% - 5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Á Châu cộng với 4,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam chịu lãi suất cho thuê là 16,5% - 17%/năm. Lãi suất có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng với 4%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	268.066.666.666	261.510.407.459
Trong năm thứ hai	58.066.666.668	118.066.666.667
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	26.283.333.333	55.316.666.667
	352.416.666.667	434.893.740.793
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh số 18)	268.066.666.666	261.510.407.459
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>84.350.000.001</u></b>	<b><u>173.383.333.334</u></b>

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	41.164.240.308	44.519.961.256	30.099.990.747	29.580.109.494
Trong năm thứ hai	38.499.486.199	41.931.932.765	31.644.120.136	30.841.624.836
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	37.810.214.445	58.164.411.211	34.889.729.463	50.833.783.972
	117.473.940.952	144.616.305.232	96.633.840.346	111.255.518.302
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(20.840.100.606)	(33.307.963.040)	n.a	n.a
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	96.633.840.346	111.308.342.192	96.633.840.346	111.255.518.302
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)			(30.099.990.747)	(29.580.109.494)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>			<b><u>66.533.849.599</u></b>	<b><u>81.675.408.808</u></b>

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	30/6/2013	31/12/2012
<b>Được phép phát hành và đã góp vốn đủ</b>		
Số lượng (cổ phần)	38.000.000	38.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
<b>Giá trị (đồng)</b>	<b><u>380.000.000.000</u></b>	<b><u>380.000.000.000</u></b>
<b>Cổ phiếu</b>	30/6/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	<u>38.000.000</u>	<u>38.000.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	134.000.000.000	35,26	134.000.000.000	35,26
Cổ đông khác (*)	246.000.000.000	64,74	246.000.000.000	64,74
	<u><b>380.000.000.000</b></u>	<b>100</b>	<u><b>380.000.000.000</b></u>	<b>100</b>

(\*): Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Cổ Đông Halley Sicav - Halley Asian Prosperity nắm giữ 1.946.400 cổ phiếu tương đương 5,12 % sở hữu của Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Khí Hóa Lỏng Miền Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn kinh phí VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	380.000.000.000	45.594.384.212	105.438.557.128	19.393.592.261	56.562.304.695	435.000.000	607.423.838.296
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	154.087.904.145	-	154.087.904.145
Tăng khác	-	-	-	-	-	210.000.000	210.000.000
Trích từ lợi nhuận	-	-	29.084.181.832	7.385.623.351	(36.469.805.183)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(16.871.370.118)	-	(16.871.370.118)
Giảm khác	-	-	-	-	(200.000.000)	(645.000.000)	(845.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(41.800.000.000)	-	(41.800.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>45.594.384.212</b>	<b>134.522.738.960</b>	<b>26.779.215.612</b>	<b>115.309.033.539</b>	-	<b>702.205.372.323</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	87.745.486.450	-	87.745.486.450
Trích từ lợi nhuận	-	-	78.316.032.574	2.518.250.965	(80.834.283.539)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(9.000.000.000)	-	(9.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(45.600.000.000)	-	(45.600.000.000)
<b>Tại ngày 30/6/2013</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>45.594.384.212</b>	<b>212.838.771.534</b>	<b>29.297.466.577</b>	<b>67.320.236.450</b>	-	<b>735.050.858.773</b>

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt chia cổ tức của năm 2012 với tổng số tiền là 45,6 tỷ đồng. Cũng theo Nghị quyết số này, Công ty đã trích lập Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 2.518.250.965 đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 9.000.000.000 đồng, Quỹ thưởng Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành Công ty với số tiền là 300.000.000 đồng, Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 78.316.032.574 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí LPG và khí CNG. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa bình gas, và cho thuê kho. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (sáu tháng đầu năm 2013 là 1%, sáu tháng đầu năm 2012 là 1%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 25 và số 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01 ngày 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Doanh thu khí hóa lỏng (LPG)	1.864.806.580.492	2.448.723.190.989
Doanh thu xăng dầu nhớt	8.420.868.356	10.924.904.853
Doanh thu từ tiền đặt cọc vỏ bình gas	11.252.068.189	3.512.913.946
Doanh thu khí CNG	550.504.404.567	367.332.225.709
Doanh thu khác	6.154.324.928	7.570.783.543
	<b>2.441.138.246.532</b>	<b>2.838.064.019.040</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	15.473.537.811	15.281.342.428
	<b>2.425.664.708.721</b>	<b>2.822.782.676.612</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Giá vốn kinh doanh khí hóa lỏng	1.744.694.052.284	2.383.815.516.652
Giá vốn kinh doanh xăng dầu nhớt	8.083.358.849	10.581.600.124
Phân bổ vỏ bình gas	29.454.389.084	8.411.328.587
Giá vốn kinh doanh khí CNG	294.404.207.313	199.166.082.356
Giá vốn hoạt động khác	-	2.806.906.345
	<b>2.076.636.007.530</b>	<b>2.604.781.434.064</b>

**27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí hàng bán và vật liệu	15.168.409.775	4.062.674.951
Chi phí nhân công	39.293.842.294	25.649.035.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.936.656.144	61.313.802.528
Chi phí phân bổ vỏ bình	29.454.389.084	8.411.328.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.314.251.102	37.539.090.443
Chi phí khác bằng tiền	42.337.134.747	43.507.034.188
	<b>281.504.683.146</b>	<b>180.482.965.917</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,

Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.977.764.149	7.265.507.809
Cổ tức và lợi nhuận được chia	36.770.058.000	72.911.266.486
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	352.605.397	61.510.382
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.918.562.473
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.750.214	-
	<b>41.105.177.760</b>	<b>82.156.847.150</b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền vay	27.516.548.213	54.891.975.943
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	20.200.318.982	693.836.967
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	166.772.536	201.978.832
Chi phí tài chính khác	84.000.000	46.402.000
	<b>47.967.639.731</b>	<b>55.834.193.742</b>

**30. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	15.663.662.326
Thu từ bán vỏ bình gas cho Công ty con - Miền Đông	-	1.280.760.000
Thu từ phí thương hiệu Công ty cổ phần CNG Việt Nam	4.477.878.365	-
Thu nhập khác	2.558.034.728	3.245.186.902
	<b>7.035.913.093</b>	<b>20.189.609.228</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	16.045.506.993
Chi từ bán vỏ bình gas cho Công ty con - Miền Đông	-	1.280.760.000
Chi phí khác	72.315.913	1.062.091.582
	<b>72.315.913</b>	<b>18.388.358.575</b>
Lợi nhuận khác	<b>6.963.597.180</b>	<b>1.801.250.653</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	<b>97.079.542.338</b>	<b>74.053.509.279</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận trước thuế		
+ Chi phí không được khấu trừ	19.643.676.451	169.063.072
+ Thu nhập không chịu thuế	(36.770.058.000)	(72.911.266.486)
Thu nhập tính thuế trong kỳ	<b>79.953.160.789</b>	<b>1.311.305.865</b>
Thu nhập hưởng thuế suất ưu đãi 10%	-	1.311.305.865
Thu nhập hưởng thuế suất ưu đãi 12,5%	71.754.954.456	-
Thu nhập chịu thuế suất thông thường	8.198.206.333	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>11.018.920.890</b>	<b>131.130.587</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động kinh doanh khí LPG và các hoạt động khác.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG hiệu chỉnh số 49221000148 ngày 6 tháng 6 năm 2011, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh khí CNG là 25% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế một năm và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, Công ty đã đăng ký với Cơ quan thuế năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế là năm 2010 để được hưởng ưu đãi miễn thuế cho năm 2010. Theo đó, năm 2013 được xem là năm thứ tư hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế (năm thứ ba được miễn giảm 50%). Vì thế, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 12,5% trên thu nhập chịu thuế này.

**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có khoản cam kết liên quan đến thuê văn phòng với thời hạn là 3 năm và lịch thanh toán như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	2.223.721.200	2.460.333.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	1.005.364.500
	<b>2.223.721.200</b>	<b>3.465.697.500</b>

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ, ngắn hạn và dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay	449.050.507.013	646.149.259.095
Trừ: Tiền	234.906.698.868	251.630.371.077
Nợ thuần	214.143.808.145	394.518.888.018
Vốn chủ sở hữu	735.050.858.773	702.205.372.323
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,29	0,56

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	234.906.698.868	251.630.371.077
Phải thu khách hàng và phải thu khác	561.302.401.986	525.234.270.995
Các khoản ký quỹ	19.585.768.335	18.467.496.335
Các khoản cho vay dài hạn	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>845.794.869.189</b>	<b>825.332.138.407</b>

**Công nợ tài chính**

Các khoản vay	449.050.507.013	646.149.259.095
Phải trả người bán và phải trả khác	811.261.602.688	769.076.672.142
Chi phí phải trả	14.540.573.114	14.096.784.673
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	29.638.326.946	39.835.785.135
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.304.491.009.761</b>	<b>1.469.158.501.045</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	<b>Tài sản</b>		<b>Công nợ phải trả</b>	
	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Đô la Mỹ (USD)</b>	<b>174.399.590</b>	<b>171.532.326</b>	<b>736.260.000</b>	-
Tiền gửi ngân hàng	174.399.590	171.532.326	-	-
Phải trả người bán	-	-	736.260.000	-
<b>Euro (EUR)</b>	<b>30.868.204</b>	<b>1.000.005.087</b>	<b>405.466.019</b>	<b>29.429.044.908</b>
Tiền gửi ngân hàng	30.868.204	31.128.087	-	-
Phải thu khác	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	968.877.000	405.466.019	985.304.115
Vay dài hạn	-	-	-	28.443.740.793



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**Mẫu B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

#### *Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá Đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với Đô la Mỹ và Euro. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ và Euro so với đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì biến động tỷ giá không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

#### *Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ tăng/giảm 4.490.505.070 đồng (năm 2012: 6.461.492.591 đồng).

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2013			
Tiền	234.906.698.868	-	234.906.698.868
Phải thu khách hàng và phải thu khác	561.302.401.986	-	561.302.401.986
Các khoản ký quỹ	2.220.460.091	17.365.308.244	19.585.768.335
Các khoản cho vay dài hạn	-	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>798.429.560.945</b>	<b>47.365.308.244</b>	<b>845.794.869.189</b>
30/6/2013			
Các khoản vay	298.166.657.413	150.883.849.600	449.050.507.013
Phải trả người bán và phải trả khác	811.261.602.688	-	811.261.602.688
Chi phí phải trả	14.540.573.114	-	14.540.573.114
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	29.638.326.946	29.638.326.946
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.123.968.833.215</b>	<b>180.522.176.546</b>	<b>1.304.491.009.761</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(325.539.272.270)</b>	<b>(133.156.868.302)</b>	<b>(458.696.140.572)</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền	251.630.371.077	-	251.630.371.077
Phải thu khách hàng và phải thu khác	525.234.270.995	-	525.234.270.995
Các khoản ký quỹ	1.829.410.091	16.638.086.244	18.467.496.335
Các khoản cho vay dài hạn	-	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>778.694.052.163</b>	<b>46.638.086.244</b>	<b>825.332.138.407</b>
31/12/2012			
Các khoản vay	391.090.516.953	255.058.742.142	646.149.259.095
Phải trả người bán và phải trả khác	769.076.672.142	-	769.076.672.142
Chi phí phải trả	14.096.784.673	-	14.096.784.673
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	39.835.785.135	39.835.785.135
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.174.263.973.768</b>	<b>294.894.527.277</b>	<b>1.469.158.501.045</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(395.569.921.605)</b>	<b>(248.256.441.033)</b>	<b>(643.826.362.638)</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở trung bình do hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh 34, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	1.057.998.204	202.710.364.169
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	481.426.051.688	522.487.808.789
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	482.651.857.017	491.786.114.472
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	77.786.607.142	-
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	30.255.554.690	43.217.437.555
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	70.011.581.187	120.598.819.303
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	10.257.092.805	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,

Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Mua hàng và dịch vụ**

Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	753.329.794.722	712.410.292.819
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	-	18.722.547.727
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	3.370.279.725	2.865.825.408
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	298.219.330.059	196.738.904.019
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	939.116.466.044	1.641.549.846.676
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	1.723.792.035	1.716.955.821
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	5.187.214.755	2.719.062.217
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	34.798.664.127	35.289.979.451
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	166.420.957	-
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	5.265.311.244	4.762.748.275
Công ty Cổ phần tư vấn quản lý dự án dầu khí PVE	933.274.679	1.750.242.292
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	797.994.633	743.524.557
Công ty CP DV Bảo vệ An Ninh Dầu khí Việt Nam - CN Miền Đông Nam Bộ	588.018.415	-
Công ty CP DV Bảo vệ An Ninh Dầu khí Việt Nam	509.952.589	422.140.952

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	63.495.916.080	63.495.916.080
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	137.748.402.000	137.748.402.000
Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	100.000.000.000	100.000.000.000

**Nhận cổ tức**

Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	-	27.500.000.000
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	36.770.058.000	55.155.582.000

**Thu lãi cho vay**

Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	961.250.000	4.795.833.333
--	-------------	---------------

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

30/6/2013	31/12/2012
VND	VND

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

**Đầu tư dài hạn khác**

Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông (cho vay)	30.000.000.000	30.000.000.000
--	----------------	----------------

**Phải thu**

Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	118.047.214.032	146.338.154.640
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	24.288.597.634	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	170.804.732	225.761.048
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	6.814.505.335	13.958.996.822
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	116.652.443.254	129.719.842.096
Công ty CP DV vận tải dầu khí Cửu Long	11.211.144.350	25.684.524.138
Công ty CP TM DV dầu khí Miền Trung	-	218.622.060
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	11.282.802.086	-
Chi Nhánh Tổng Công Ty Khí Việt Nam CTCP – Công Ty Chế biến khí Vũng Tàu	739.160.094	390.663.381

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**Phải thu khác**

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	11.374.000.000	11.374.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dầu khí Biển	-	1.090.877.209
Tổng công ty Phân bón và Hoá chất dầu khí	-	8.322.775
Công Ty TNHH Khí Hóa Lỏng Việt Nam	-	6.937.553.035

**Phải trả**

Công Ty TNHH Khí Hóa Lỏng Việt Nam	789.490.611	593.767.992
Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	411.515.252	5.445.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Vay dài hạn	326.666.666.667	375.000.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty kinh doanh sản phẩm khí	280.283.090.159	222.078.317.215
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	-	2.796.789.441
Công ty Cổ phần phân phối khí thấp áp dầu khí Vũng Tàu	296.190.462.875	207.837.217.224
Công ty CP DV vận tải dầu khí Cửu Long	333.276.844	253.553.300
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	206.965.763.049	302.308.348.438
Công ty CP đầu tư và xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	326.363.054
Công ty CP xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí	-	768.126.145
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	3.967.252.824	-

**Phải trả khác**

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	5.687.000.000	5.687.000.000
------------------------------	---------------	---------------

**Thu phí Thương hiệu**

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	4.477.878.365	-
------------------------------	---------------	---

**35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 05 tháng 8 năm 2013.



**Lưu Trọng Nghĩa**  
 Người lập biểu  
 Ngày 05 tháng 8 năm 2013



**Nguyễn Đăng Trình**  
 Kế toán trưởng



**Đoàn Văn Nhuộm**  
 Tổng Giám đốc